TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Số: 73/2021/VHNGĐ - ST	*Q, ngày 03 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 150/TLST - HNGĐ ngày 06/10/2021

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải lập ngày 18/10/2021 giữa những người yêu cầu:

- Chị Dương Thu C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu Trại T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Bùi Văn B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18/10/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo, không có bên nào thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thành được ghi nhận tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận các nội dung hòa giải thành như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thu C và anh Bùi Văn B.

1.2. *Về con chung:* Chị Dương Thu C và anh Bùi Văn B có 03 con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 31/5/2015; Bùi Minh Đ, sinh ngày 27/4/2017 và Bùi Thị V, sinh ngày 11/3/2019. Ly hôn hai bên thỏa thuận chị C được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Bùi Minh Đ và Bùi Thị V. Anh Bùi Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Trà M cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Dương Thu C và anh Bùi Văn B xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Các bên liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

4. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án./.

Nơi nhận:
- Các bên yêu cầu;
- VKSND thị xã Q;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Đ;
nơi đăng ký kết hôn;
- THADS thị xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Điền